

Phụ lục 1

KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
ĐỘ TUỔI: 24 - 36 THÁNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non thân yêu Bé vui đón tết trung thu (4 tuần)	- Bé vui đón tết trung thu	Tuần 1	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 13/9/2024
		-Trường mầm non của bé	Tuần 2	Từ ngày 16/9/2024 đến ngày 20/9/2024
		- Cô giáo và các bạn của bé	Tuần 3	Từ ngày 23/9/2024 đến ngày 27/9/2024
		- Lớp học bé yêu	Tuần 4	Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 04/10/2024
2	Đồ dùng, đồ của bé Ngày vui 20/10 (3 tuần)	- Đồ chơi của bé	Tuần 5	Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 11/10/2024
		-Ngày vui 20/10	Tuần 6	Từ ngày14/10/2024 đến ngày18/10/2024
		-Đồ dùng của bé	Tuần 7	Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 25/10/2024
3	Bé và gia đình- Ngày hội của cô giáo (6 tuần)	- Người thân trong gia đình bé	Tuần 8,9	Từ ngày 28/10/2024 đến ngày 08/11/2024
		- Đồ dùng để ăn	Tuần 10	Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo	Tuần 11	Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 22/11/2024
		- Đồ dùng để uống	Tuần 12	Từ ngày 25/11/2024 đến ngày 29/11/2024
		- Đồ dùng để sinh hoạt	Tuần 13	Từ ngày 02/12/2024 đến ngày 06/12/2024
4	Những con vật đáng yêu- Ngày tết của chú bộ đội (5 tuần)	- Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	Tuần 14	Từ ngày 09/12/2024 đến ngày13/12/2024
		- Ngày tết chú Bộ Đội	Tuần 15	Từ ngày 16/12/2024 đến ngày 20/12/2024
		- Một số con vật nuôi trong gia đình (gia súc)	Tuần 16	Từ ngày 23/12/2024 đến ngày 27/12/2024
		- Một số con vật sống dưới nước	Tuần 17	Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 03/1/2025

		- Một số con vật sống trong rừng	Tuần 18	Từ ngày 06/1/2025 đến ngày 10/1/2025
5	Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp- Bé vui đón tết- Ngày vui 8/3 (8 tuần)	-Bé yêu cây xanh	Tuần 19	Từ ngày 13/1/2025 đến ngày 17/1/2025
		- Bé vui đón tết Nguyên Đán	Tuần 20	Từ ngày 20/1/2025 đến ngày 24/1/2025
		- Những bông hoa đẹp	Tuần 21,22	Từ ngày 10/2/2025 đến ngày 21/2/2025
		- Một số loại quả	Tuần 23	Từ ngày 24/2/2025 đến ngày 28/2/2025
		- Ngày vui 8/3	Tuần 24	Từ ngày 03/3/2025 đến ngày 07/3/2025
		- Một số loại rau	Tuần 25,26	Từ ngày 10/3/2025 đến ngày 21/3/2025
6	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? (5 tuần)	- Phương tiện và quy định GT đường bộ, đường sắt	Tuần 27,28	Từ ngày 24/3/2025 đến ngày 04/4/2025
		- Tín hiệu đèn giao thông	Tuần 29	Từ ngày 07/4/2025 đến ngày 11/4/2025
		- Phương tiện và quy định đường thủy	Tuần 30	Từ ngày 14/4/2025 đến ngày 18/4/2025
		- Phương tiện và quy định đường hàng không	Tuần 31	Từ ngày 21/4/2025 đến ngày 25/4/2025
7	Mùa hè - Bé lên mẫu giáo (4 tuần)	- Thời tiết mùa hè	Tuần 32	Từ ngày 28/4/2025 đến ngày 2/5/2025
		- Trang phục của bé	Tuần 33	Từ ngày 05/5/2025 đến ngày 09/5/2025
		- Bé lên mẫu giáo	Tuần 34	Từ ngày 12/5/2025 đến ngày 16/5/2025
		- Bác Hồ kính yêu	Tuần 35	Từ ngày 19/5/2025 đến ngày 23/5/2024
	Tổng		35 tuần	

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CS-GD TRẺ
KHỐI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG
NĂM HỌC 2024 – 2025**

A, KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
I. NUÔI DƯỠNG	Ăn uống: a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. b. Chăm sóc bữa ăn - Trước khi ăn: + Cô chuẩn bị bàn ghế (cô sắp xếp) + Trẻ được ngồi vào bàn ăn + Cô chuẩn bị đầy đủ số lượng đồ dùng cho trẻ.(thìa, bát, khăn lau, đĩa đựng cơm rơi) - Trong khi ăn: + Trong khi cho trẻ ăn cô cần quan tâm đến đặc điểm từng trẻ như: Trẻ mới tập ăn cơm, trẻ ăn chậm, trẻ mới đi nhà trẻ, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy, cô tạo không khí thoải mái và khuyến khích trẻ ăn hết suất,	-Phụ trách dinh dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng	

	không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn, không ép trẻ khi trẻ không muốn ăn hoặc nôn trớ +Xếp những trẻ yếu, ăn chậm và suy dinh dưỡng riêng 1 bàn để tiện chăm sóc. Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc. + Không nên cho trẻ ăn, uống khi trẻ ho, khóc hoặc ngủ gật để tránh hóc và sặc. Khi trẻ ăn, uống không bịt mũi hoặc ngáng miệng bắt trẻ nuốt - Sau khi ăn: +Trẻ biết bỏ bát thìa đúng nơi, súc miệng, lau mặt sạch sẽ 2. Tổ chức giấc ngủ: *Trước khi trẻ ngủ: - Cô kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không. + Giáo viên cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị chỗ ngủ cho trẻ (thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông) + Cởi bớt áo, quần cho trẻ thoải mái để ngủ + Cho trẻ nghe những bài hát ru, dân ca êm dịu để trẻ dễ đi vào giấc ngủ, với những trẻ khó ngủ cô nên vỗ về giúp trẻ dễ ngủ hơn. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: + Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 150 phút + Khi trẻ ngủ cô bao quát trẻ, vỗ về những trẻ khó ngủ, chú ý đắp chăn, bật quạt cho trẻ ở mức độ vừa phải + Chú ý trẻ để cho trẻ dậy đi vệ sinh, nếu trẻ tè dầm giáo viên cần quan sát để thay cho trẻ kịp thời và bao quát các tình huống * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức tr-ước cô cho trẻ dậy trước. +Cô cho trẻ ngồi bô đi vệ sinh sau khi ngủ dậy sau đó cho trẻ ăn quà chiều.	- Giáo viên và trẻ	
II.VỆ SINH	1.Vệ sinh cá nhân cô: - Cô trang phục, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ, cô là tấm gương cho học sinh noi theo 2. Vệ sinh cá nhân trẻ +Cô chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân: khăn lau mặt, xà phòng +Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN: -Cô rửa tay, lau mặt cho trẻ theo đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh. Vừa làm vừa hướng dẫn từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự	-Giáo viên	
		-Giáo viên và trẻ	

	<i>đồ:</i> - Vào tháng 9 và tháng 12, tháng 3 trẻ được theo dõi cân nặng và đo chiều cao vào tháng 9 và tháng 3 trên biểu đồ nhằm phát hiện những trẻ suy dinh thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì để có biện pháp phối hợp với phụ huynh trong chăm sóc trẻ. 2. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp + <i>Tiêm chủng, phòng dịch</i> - Nhắc nhở và tuyên truyền phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của y tế địa phương Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng. Báo cáo y tế địa phương những trường hợp bất thường để xử lý kịp thời. - Trong thời gian có dịch bệnh xảy ra nếu có nhiều trẻ bị bệnh do dịch thì giáo viên báo cáo nhà trường để mời y tế đến khám, tìm nguyên nhân, có biện pháp xử lý kịp thời để tránh lây lan. + <i>Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm</i> - Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy trẻ có gì khác thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ cẩn thận để xử lý kịp thời. - Biết cách xử lý và chăm sóc trẻ ốm tại trường.	-Giáo viên phối hợp với phụ huynh	
IV. AN TOÀN	1. An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không dọa nạt, quát mắng, đánh trẻ.	-Giáo viên phối hợp với nhà trường để thực hiện	
V. CHĂM SÓC TRẺ SUY	- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ	- Giáo viên phối hợp với nhà trường,	

DINH DƯỠNG	- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân dưới 2%, thể thấp còi dưới 3%, thừa cân, béo phì dưới 0,5%.	phụ huynh để thực hiện	
-------------------	---	------------------------	--

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
1. Phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi *Trẻ trai: Cân nặng từ 9.9 đến 15.2 (kg) Chiều cao: Từ 80.9 đến 94.9 (cm) *Trẻ gái: Cân nặng 9.4 đến 14.5 (kg) Chiều cao: Từ 79.9 đến 93.3 (cm)	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
MT2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.
MT3. Trẻ có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt.	- Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: rửa tay lau mặt trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Dạy trẻ kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định
MT4. Trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe và biết phòng tránh một số bệnh khi giao mùa	- Tập tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn: xúc cơm, uống nước, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh; Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh: Uống nước, đi bô, đi tiểu.... - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - Chấp nhận đội mũ khi đi ra nắng, đi dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. + Dạy trẻ kỹ năng đi dép + Dạy trẻ kỹ năng cài khuy áo + Dạy trẻ kỹ năng đi tất, cởi tất + Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang

MT5. Trẻ ngủ 1 giấc trưa, ngủ sâu, không đái dầm.	- Ngủ 1 giấc trưa, ngủ đúng giờ, ngủ không khóc nhè, không nói chuyện, không đái dầm.
MT6. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm(bàn là, bếpđang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.
MT7. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở. + Dạy trẻ kỹ năng phòng, ngừa bắt cóc
b. Phát triển vận động	
MT8. Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao,đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
MT9. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy	* Đi, chạy - Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước qua gậy kê cao - Đi bước vào các ô - Đứng co một chân - Chạy theo hướng thẳng - Chạy chậm theo cô - Chạy thay đổi tốc độ nhanh -chậm theo cô
MT10. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt khi tung bắt bóng, ném, đập bóng, lăn bóng	+ Tập tung, ném, bắt: - Tung- bắt bóng cùng cô - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích xa 1-1,2m - Ném bóng qua dây - Ngồi lăn bóng - Lăn bóng vào đích - Đập bóng xuống sàn
MT11. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn	+ Tập bò, trườn: - Bò trong đường hẹp - Bò theo đường zích zắc - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản. - Bò thẳng hướng có vật trên lưng
MT12 . Trẻ biết phối hợp vận động	- Nhún, bật

tay – chân khi bước, nhún, bật.	+ Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Bật về phía trước + Bước lên xuống bậc
MT13. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động.	-Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. -Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. -Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. -Chồng, xếp 6-8 khối. -Tập cầm bút tô, vẽ. -Lật mở trang sách. - Nhào đất, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.
MT14. Trẻ biết phối hợp được cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay, “múa khéo” và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động.	-Xâu vòng màu đỏ; xâu vòng tặng cô; xâu vòng các con vật; xâu vòng hoa lá quả; xâu vòng màu đỏ, màu vàng; xâu vòng xen kẽ màu xanh, màu đỏ, màu vàng - Xếp đường đi; xếp đường về nhà; xếp chuồng cho các con vật; xếp ao cá; xếp kệ đặt bình hoa; xếp ô tô; xếp tàu hỏa; xếp hàng rào
2. Phát triển nhận thức	
MT15. Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu: - Một số loại cây - Một số loại rau - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số vật quen thuộc - Đồ dùng đồ chơi - Một số phương tiện giao thông
MT16. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật, PTGT quen thuộc.	- Đồ dùng trong gia đình bé. - Đồ dùng của bé : Quần, áo, mũ, giày, dép, khăn, tất, - Đồ chơi của bé - Một số loại rau: Rau cải, rau cúc, rau muống, rau khoai... - Một số loại hoa: Hoa hồng, hoa đào, hoa cúc, hoa ... - Một số loại quả: Quả cam, chuối, xoài, nho... - Một số vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó mèo.. - Một số con vật sống dưới nước: Tôm, cua, cá... - Một số con vật sống trong rừng: Voi, gấu, hổ ...

	- Một số phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, Xe máy, Xe ô tô con, tàu hỏa... - Phương tiện giao thông đường thủy: Tàu thủy, thuyền buồm - Phương tiện giao thông đường không
MT17. Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên trường mầm non của bé. - Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp + Trường mầm non của bé + Cô giáo và các bạn của bé + Lớp học của bé + Người thân trong gia đình bé
MT18. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt mũi, miệng, tai, tay, chân
MT19. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh, theo yêu cầu.	- Nhận biết, phân biệt màu đỏ, vàng, xanh - Chọn đồ chơi màu xanh; - Chọn quả màu đỏ;
MT20. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Chọn đồ chơi to-nhỏ; - Phân biệt bát to-bát nhỏ; - Phân biệt đồ chơi to hơn - nhỏ hơn; - Phân biệt quả to - quả nhỏ
MT21. Trẻ nhận biết được một số hình dạng.	- Nhận biết hình tròn- hình vuông.
MT22. Trẻ nhận biết được một số đặc điểm của mùa hè và trang phục theo mùa	- Thời tiết mùa hè - Trang phục của bé
MT23. Trẻ biết được tên các ngày lễ, hội lớn, sự kiện văn hóa ở trường, ở địa phương.	- Ngày khai giảng - Bé vui đón tết trung thu - Ngày hội cô giáo 20/11 - Ngày hội của chú bộ đội - Tết Nguyên đán - Ngày vui 8/3 - Ngày sinh nhật Bác
MT24. Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian.	- Xác định vị trí (trên - dưới, trước – sau) so với bản thân
MT25. Trẻ nhận biết được số lượng	- Số lượng một - nhiều
3. Phát triển ngôn ngữ	
MT26. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.

	- Nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động + Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay; lấy cho cô quả bóng bỏ vào túi và đưa lên cho cô
MT27. Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?”	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”, “Làm gì?”, “Ở đâu?”... “Thế nào?”, “Để làm gì?”, “Tại sao?”.... bằng 1- 2 câu đơn giản, câu dài
MT28. Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm to rõ ràng các tiếng.
MT29. Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	- Nói được câu đơn giản, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động quen thuộc - Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau + Trò chuyện, chào hỏi + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề quan tâm hư: “ con gì đây?” “ Cái gì đây”?... - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT30. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	* Đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố... - Dung dăng dung dẻ - Chi chi chành chành - Nu na nu nống - Kéo cưa lừa xẻ - Tay đẹp..... * Trường mầm non thân yêu - Bạn mới (Nguyệt Mai); Giờ chơi (Lê Thị Hoa); Tết trung thu(Bác Hồ) * Đồ dùng, đồ chơi của bé - Đi dép; Mẹ và cô; Chia đồ chơi; Gang tay và mũ; Dung dăng dung dẻ; Nu na nu nống * Bé và gia đình - Yêu Mẹ (Nguyệt Mai); Bàn ghế (Sưu Tầm); Bé chờ mong (Hoàng Thị Minh Khang); Mẹ và con; Chối ngoan * Những con vật đáng yêu - Tìm ỏ (Võ Quăng); Chim sâu (Phong Thu); Con cá vàng (Lam Hồng); Con voi; Rong và cá; Đàn lợn con * Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp - Hoa nở (Võ Quăng); Quả thị (Thanh Thảo); Tết và bạn nhỏ (Phạm Viên Trọng Bảo); Dán hoa tặng mẹ (Khải Minh); Cây Bắp cải (Phạm

	Hồ); Mưa xuân, Đi chợ tết; Củ cà rốt; Hoa kết trái * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? - Con tàu (Định Hải); Thuyền và cá (Phạm Hồ); Bé nằm mơ (Sưu Tầm); Tiếng còi tàu; Đi chơi phố; Xe đạp; Xe chữa cháy * Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Câu vồng (Nhược Thủy); Trưa hè (Trần Đăng Khoa); Bóng mây (Thanh Hào); Đi nắng (Nhược Thủy); Dậy sớm; Bé tập nói; Bác Hồ của em
MT31. Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	* Trường mầm non thân yêu - Đôi bạn nhỏ, bài học đầu tiên của gấu con, Chiếc đu màu đỏ * Đồ dùng, đồ chơi của bé - Cái chuông nhỏ * Bé và gia đình - Cả nhà ăn dưa hấu; Cháu chào ông ạ; Chú gấu con ngoan; Xếp nhà cho gia đình búp bê (Sưu Tầm); Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo); * Những con vật đáng yêu - Cá và chim (Nguyễn Thị Thảo); Đôi bạn nhỏ (Nguyễn Thị Thảo); Thỏ ngoan (Nguyễn Thị Thảo); Cô Vịt tốt bụng, Quả trứng, Con cáo * Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp - Cô và các bạn xem hoa (Sưu Tầm); Quả thị (Nguyễn Thái Duy); Thỏ con ăn gì? (Lam Hồng); Cây táo (Chế Thùy Như); Mùa xuân đã về * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? - Vì sao Thỏ cắt đuôi; Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Nguyễn Thị Bích); Xe lu và xe ca * Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Mẹ tắm cho bé (Sưu Tầm); Cốc gọi trời mưa (Nguyễn Thị Thảo), Chiếc ô tô của Thỏ trắng, mèo con nhút nhát
MT32. Trẻ làm quen với sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
MT33. Trẻ nói được một vài thông	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài

tin về mình (tên, tuổi).	bản thân.
MT34. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
MT35. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	-Tập sử dụng giao tiếp qua đồ dùng, đồ chơi và người khác bằng cử chỉ, lời nói.
MT36. Trẻ nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
MT37. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	-Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
MT38. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ”, “ Vâng ă” - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi
MT39. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
MT40. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn.
MT41. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. - Dạy trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng, đồ chơi - Dạy trẻ kỹ năng không vò vĩnh mua quà
MT42. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc	* Trường mầm non thân yêu - Lời chào buổi sáng (Nguyễn Thị Nhung); Đi nhà trẻ (Đỗ Niên); Nu na nu nống, Đi học về; Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường) * Đồ dùng, đồ chơi của bé - Đôi dép (Hoàng Kim Định); Chiếc khăn tay (Văn Tấn); Quả bóng, Em búp bê * Bé và gia đình - Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Cháu yêu bà (Xuân Giao); Kéo cưa lừa xẻ * Những con vật đáng yêu - Con gà trống (Tân Huyền); Một con vịt (Kim Duyên); Đàn vịt con (Mộng Lân); Con chim hót trên cành cây (Trọng Bằng); Phi ngựa (Mộng Lê Chung); Con chim non (Lý Trọng); Đố bạn biết

(Hồng Ngọc); Đi một hai (Đoàn Phi); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Chú mèo (Chu Minh); Con cò cánh trắng, Chú mèo lười, Rửa mặt như mèo, Ếch ộp (Văn chung); Voi Làm xiếc (Nhạc và lời: Phan Hiền);

*** Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp**

- Màu hoa (Hồng Đăng); Quả Mồng 8/3 (Hoàng Long); Quả (Xanh Xanh); Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Bé và hoa, Cây bắp cải, Lý cây xanh, Mùa xuân

*** Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?**

- Lái ô tô (Đoàn Phi); Em Tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Đèn đỏ đèn xanh (Nhạc: Lương Vĩnh. Thơ Thế Hội); Tàu hỏa, Đoàn tàu nhỏ xíu

*** Mùa hè - Bé lên mẫu giáo**

- Mùa hè đến , Nhong nhong nhong, Tập tầm vông, Cháu đi mẫu giáo, Cùng đi về lớp, Bé tập nói,...

Nghe hát:

*** Trường mầm non thân yêu**

- Vui đến trường (Hò Bắc); Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên); Ru em (Dân ca Xê Đăng); Trồng cơm (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Chào người bạn mới đến (Xuân Giao); Đi học(Bùi Đình Thảo); Góc trăng

*** Đồ dùng, đồ chơi của bé**

Bé khỏe bé ngoan

*** Bé và gia đình**

- Mừng sinh nhật (Nhạc Dịch Hồng Ngọc); Cô giáo (Nhạc Đỗ Mạnh Thường, Lời Nguyễn Hữu Tường); Ngọn nến lung linh (Ngọc Lê); Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn); Cho con (Nhạc Phạm Trọng Cầu, Lời Tuấn Dũng);Tổ ấm gia đình

*** Những con vật đáng yêu**

- Vì sao chim hay hót (Hải Hà); Thật là hay (Hồng Lâm); Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh); Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yên); Chú bộ đội (Hoàng Hà); Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Chim mẹ chim con (Đặng nhất mai); Chú voi con (Phạm Tuyên); Cá vàng bơi (Hải Hà);

*** Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp**

	- Hoa kết trái (Nhạc: Phạm Thị Sửu. Lời: Hoàng Lộc); Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa); Hoa Thơm bướm lượn (Dân Ca Quan Họ Bắc Ninh); Ngày vui mừng 8/3 (Hoàng Long); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Ra chơi vườn hoa (Văn Tấn); Cùng múa hát mừng xuân (Hoàng Hà); Em thêm 1 tuổi * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? - Nhớ lời cô dặn (Hong Ngọc); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường); Anh phi công ơi (Xuân Giao); Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính. Lời: Tường Văn); Bác đưa thư vui tính * Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Hè đến (Sưu Tầm); Ánh trăng hòa bình (Nhạc: Hồ Bắc. Thơ: Mộng Lân); Em Mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao), Phao bơi, Nắng sớm Trò chơi âm nhạc: - Hãy lắng nghe; Nghe âm thanh to nhỏ của 2 dụng cụ khác nhau; Giọng hát to; giọng hát nhỏ; Tai ai tinh, Nghe giai điệu đoán tên bài hát Biểu diễn cuối chủ đề
MT43. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình, xem tranh (cầm bút, di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. -Xem tranh. * Trường mầm non thân yêu - Di màu quả bóng - Tô màu cái yếm * Đồ dùng, đồ chơi của bé - Tô màu bong bóng; Tô màu cái trống lắc; Nặn viên bi * Bé và gia đình - Tô màu đường về nhà - Tô màu chiếc cốc - Tô màu chiếc áo của mẹ - Vẽ đồ dùng trong gia đình * Những con vật đáng yêu - Tô màu con voi - Nặn thức ăn cho các con vật * Rau, củ, quả và những bông hoa đẹp - Tô màu quả táo - Tô màu củ cà rốt

	- Dán lá cho cành hoa - Tô màu bánh chưng - Vẽ mưa mùa xuân - Nặn quả - Vẽ hoa tặng cô * Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì? - Tô màu ô tô - Tô màu mũ bảo hiểm - Nặn bánh xe ô tô * Mùa hè - Bé lên mẫu giáo - Vẽ tia nắng - Tô màu cái ô - Tô màu bong bóng
--	---